

Số: 349/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016

THÔNG TƯ

**Quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư
từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia
giai đoạn 2016-2020**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư của các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 (bao gồm Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, sau đây gọi chung là dự án).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 (bao gồm cả các dự án nhóm C quy mô nhỏ thực hiện theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020, sau đây gọi chung là dự án nhóm C quy mô nhỏ).

Điều 3. Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước

1. Nguồn vốn ngân sách trung ương:

a) Nguồn vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương thông qua các Chương trình mục tiêu quốc gia, các Chương trình mục tiêu.

b) Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ.

c) Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn viện trợ không hoàn lại được tài trợ từ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo phương thức hỗ trợ ngân sách nhà nước.

2. Nguồn vốn ngân sách địa phương.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, thanh toán, quyết toán

1. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các dự án đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả; chấp hành đúng chế độ quản lý tài chính - đầu tư - xây dựng của Nhà nước và theo nội dung hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Các dự án đầu tư sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì phần vốn ngân sách nhà nước của dự án thực hiện theo quy định tại Thông tư này (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này).

3. Các dự án thực hiện theo hình thức ngân sách nhà nước hỗ trợ vật liệu xây dựng và các hình thức hỗ trợ khác thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể việc quản lý, thanh toán, quyết toán phần vốn ngân sách hỗ trợ cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và của Nhà nước.

4. Các nguồn đóng góp bằng hiện vật và ngày công lao động hoặc công trình hoàn thành, căn cứ đơn giá hiện vật và giá trị ngày công lao động để hạch toán vào giá trị công trình, dự án để theo dõi, quản lý, không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước.

5. Đối với dự án, gói thầu thực hiện theo hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng, cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ được chủ đầu tư tạm ứng, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thông qua người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ và không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng vốn. Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công xây dựng dự án, gói thầu. Chủ đầu tư và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng có trách nhiệm giám sát chặt chẽ việc thanh toán tiền công cho người dân.

6. Đối với các dự án đầu tư có sử dụng nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác, chủ đầu tư được lựa chọn thực hiện theo quy định về thanh toán, quyết toán đối với chương trình, dự án lồng ghép hoặc áp dụng theo

quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia hoặc do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc lựa chọn phù hợp với cơ chế quản lý của Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế của các chương trình, dự án được lồng ghép.

7. Các dự án sử dụng nguồn vốn ODA và vay ưu đãi được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

Phân bổ, thanh toán vốn đầu tư

Điều 5. Phân bổ kế hoạch vốn

1. Việc lập kế hoạch, phân bổ chi tiết kế hoạch thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Ủy ban nhân dân các cấp phân bổ chi tiết vốn đầu tư cho từng dự án theo mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (loại, khoản) theo Phụ lục số 02, mã Chương trình mục tiêu quốc gia theo Phụ lục số 04 ban hành theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 02/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước; Thông tư số 110/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 02/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước; Thông tư số 147/2013/TT-BTC ngày 23/10/2013 của Bộ Tài chính quy định sửa đổi, bổ sung hệ thống mục lục ngân sách nhà nước.

3. Cơ quan Tài chính, Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm nhập kế hoạch vốn đầu tư trên Hệ thống thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (TABMIS) theo hướng dẫn tại Thông tư số 123/2014/TT-BTC ngày 27/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn tổ chức vận hành, khai thác Hệ thống Thông tin quản lý ngân sách và Kho bạc (TABMIS).

4. Việc phân bổ chi tiết và giao kế hoạch vốn cho các dự án phải hoàn thành trước 31 tháng 12 năm trước năm kế hoạch. Trường hợp được giao bổ sung kế hoạch, chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày được giao kế hoạch bổ sung, Ủy ban nhân dân cấp dưới phải hoàn thành việc phân bổ và giao kế hoạch theo quy định. Đồng thời với việc phân bổ vốn đầu tư nêu trên, Ủy ban nhân dân các cấp giao chỉ tiêu kế hoạch vốn chi tiết cho các chủ đầu tư để thực hiện.

5. Kiểm tra phân bổ: Sau khi nhận được phân bổ kế hoạch vốn đầu tư của Ủy ban nhân dân các cấp gửi đến, cơ quan tài chính cùng cấp thực hiện kiểm tra phân bổ vốn đầu tư theo nội dung quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 6. Cơ quan kiểm soát, thanh toán vốn

Cơ quan Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát thanh toán vốn theo nhiệm vụ được giao.

Điều 7. Mở tài khoản

1. Chủ đầu tư mở tài khoản thanh toán vốn đầu tư tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ mở và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

2. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư mở tài khoản để được thanh toán vốn.

Điều 8. Hồ sơ pháp lý gửi một lần của dự án

Để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư, chủ đầu tư gửi hồ sơ, tài liệu sau đây đến Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản thanh toán (các tài liệu này đều là bản chính hoặc bản sao có đóng dấu sao y bản chính của chủ đầu tư, chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư, trừ trường hợp phải bổ sung, điều chỉnh), bao gồm:

1. Dự án nhóm C quy mô nhỏ

a) Đối với dự án chuẩn bị đầu tư: Văn bản phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền kèm theo dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư được lập theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.

b) Đối với dự án thực hiện dự án:

- Quyết định phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình của Ủy ban nhân dân xã kèm theo Hồ sơ xây dựng công trình;

- Hợp đồng thực hiện dự án/gói thầu được ký kết giữa Ban quản lý xã và đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm, thợ.

2. Dự án không thuộc khoản 1 trên đây

a) Đối với dự án chuẩn bị đầu tư:

- Quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền kèm theo dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư;

- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư với nhà thầu.

b) Đối với dự án thực hiện dự án:

- Quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có) kèm theo dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật);

- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu hoặc nhà cung cấp và các tài liệu kèm theo hợp đồng như: phụ lục hợp đồng, điều kiện riêng, điều kiện chung liên quan đến việc tạm ứng, thanh toán hợp đồng, hợp đồng bổ sung, điều chỉnh (nếu có). Hợp đồng giữa chủ đầu tư và cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm, thợ (trường hợp lựa chọn nhà thầu theo hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng);

- Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng; Riêng công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có) phải kèm theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 9. Tạm ứng vốn

1. Nguyên tắc tạm ứng, mức vốn tạm ứng; bảo lãnh tạm ứng vốn; thu hồi vốn tạm ứng; kiểm tra, đánh giá thực hiện và thu hồi tạm ứng vốn: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài

chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Đối với chi phí quản lý dự án của các dự án quy mô nhỏ thực hiện cơ chế đặc thù, giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định các nội dung về tạm ứng vốn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

2. Hồ sơ tạm ứng vốn

Để được tạm ứng vốn, chủ đầu tư gửi đến Kho bạc Nhà nước các tài liệu sau:

a) Dự án nhóm C quy mô nhỏ:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư theo Phụ lục số 03.

- Chứng từ chuyển tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính (trường hợp chuyển khoản thông qua người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ).

b) Dự án không thuộc điểm a trên đây:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư theo Phụ lục số 03.

- Chứng từ chuyển tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính.

- Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu (chủ đầu tư gửi Kho bạc Nhà nước bản sao có đóng dấu sao y bản chính của chủ đầu tư) đối với trường hợp theo quy định phải bảo lãnh tạm ứng.

Điều 10. Thanh toán khối lượng hoàn thành

1. Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng xây dựng

a) Nguyên tắc thanh toán: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Hồ sơ thanh toán (đối với tất cả các loại dự án):

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu theo Phụ lục số 01, 02.

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư theo Phụ lục số 03.

- Chứng từ chuyển tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính. Đối với dự án, gói thầu thực hiện theo hình thức tham gia thực

hiện của cộng đồng; cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ được thanh toán bằng tiền mặt hoặc chứng từ chuyển khoản thông qua người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ.

2. Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng xây dựng (như một số công việc quản lý dự án do chủ đầu tư trực tiếp thực hiện, công việc tư vấn được phép tự làm và các công việc khác).

a) Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho từng công việc;

- Bảng kê giá trị khối lượng công việc hoàn thành (có chữ ký và đóng dấu của chủ đầu tư); chủ đầu tư không phải gửi chứng từ chi, hóa đơn mua sắm đến Kho bạc Nhà nước, chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc.

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư theo Phụ lục số 03;

- Chứng từ chuyển tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính.

b) Hồ sơ đối với các trường hợp khác:

- Đối với chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có), hồ sơ thanh toán bao gồm: (1) Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (2) Bảng xác nhận giá trị khối lượng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện (Phụ lục số 01.b kèm theo); (3) Hợp đồng và biên bản bàn giao nhà (trường hợp mua nhà phục vụ di dân giải phóng mặt bằng); (4) Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; (5) Chứng từ chuyển tiền.

Riêng chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Kho bạc Nhà nước căn cứ vào dự toán chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành; Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; Chứng từ chuyển tiền.

- Đối với công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải xây dựng các công trình (bao gồm cả xây dựng nhà di dân giải phóng mặt bằng): việc tạm ứng, thanh toán được thực hiện như đối với các dự án hoặc gói thầu xây dựng công trình.

- Khi dự án hoàn thành được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhưng chưa được thanh toán đủ vốn theo giá trị phê duyệt quyết toán, Kho bạc Nhà nước căn cứ vào quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và kế hoạch vốn được giao trong năm của dự án để kiểm soát thanh toán cho dự án. Hồ sơ, tài liệu thanh toán gồm: Quyết định phê duyệt quyết toán kèm báo cáo quyết toán dự án hoàn thành; Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; Chứng từ chuyên tiền.

3. Nguyên tắc kiểm soát thanh toán của Kho bạc Nhà nước

a) Kho bạc Nhà nước căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư, các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng, số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, các điều kiện thanh toán và giá trị từng lần thanh toán để thanh toán cho chủ đầu tư. Trong quá trình thanh toán, trường hợp phát hiện sai sót trong hồ sơ đề nghị thanh toán, cơ quan thanh toán vốn đầu tư thông báo bằng văn bản để chủ đầu tư bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ.

b) Số vốn thanh toán cho từng công việc, hạng mục công trình, công trình không được vượt dự toán được duyệt đối với trường hợp chỉ định thầu; tổng số vốn thanh toán cho dự án không được vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt. Số vốn thanh toán cho dự án trong năm (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) không được vượt kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho dự án. Lũy kế số vốn thanh toán cho dự án không vượt kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được giao.

Điều 11. Quản lý chi phí quản lý dự án

1. Việc quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án thực hiện theo Thông tư của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ.

2. Đối với chi phí quản lý dự án của Ban quản lý xã, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành định mức chi phí quản lý dự án và nội dung chi phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện cụ thể của địa phương nhưng không cao hơn các định mức chi phí theo cơ chế đầu tư thông thường.

Mục 2

Quyết toán vốn đầu tư

Điều 12. Quyết toán vốn đầu tư hàng năm

Thực hiện theo Thông tư của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm.

Điều 13. Quyết toán dự án hoàn thành

1. Các dự án đầu tư thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng phải lập báo cáo quyết toán và được thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo đúng chế độ quy định về quản lý tài chính hiện hành và các quy định cụ thể tại Thông tư này.

2. Việc lập báo cáo quyết toán, thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán; nội dung thẩm tra quyết toán; kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành; định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, chi phí kiểm toán quyết toán; thời hạn quyết toán; chế độ báo cáo, kiểm tra và các nội dung có liên quan khác: Thực hiện theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

3. Đối với dự án do Ban quản lý xã làm chủ đầu tư

a) Hồ sơ quyết toán dự án đầu tư xây dựng công trình hoàn thành gồm các biểu mẫu báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành kèm theo các văn bản pháp lý liên quan theo biểu mẫu số 01/QTDA và 02/QTDA (cách lập biểu mẫu báo cáo quyết toán theo hướng dẫn tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Trường hợp đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý của người quyết định đầu tư không đủ năng lực thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư lựa chọn một trong các hình thức sau:

- Thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

- Đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán quyết định thành lập Tổ thẩm tra quyết toán để thực hiện thẩm tra trước khi phê duyệt

quyết toán; thành phần của Tổ công tác thẩm tra quyết toán gồm thành viên của các đơn vị có liên quan.

c) Các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

4. Đối với dự án sử dụng cả nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn huy động khác, chủ đầu tư lập báo cáo quyết toán phần vốn ngân sách nhà nước trình cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo quy định. Việc quyết toán phần vốn huy động khác và tổng hợp quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Mục 3

Chế độ báo cáo, kiểm tra

Điều 14. Báo cáo

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh báo cáo theo Thông tư quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công.

2. Báo cáo tổng hợp quyết toán dự án hoàn thành: Định kỳ 06 tháng, hàng năm, giữa kỳ trung hạn và cuối kỳ trung hạn, Sở Tài chính báo cáo các Chương trình mục tiêu quốc gia gửi về Bộ Tài chính theo biểu mẫu tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

3. Các Chương trình mục tiêu quốc gia có sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ không hoàn lại của các nhà tài trợ thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và theo quy định của nhà tài trợ.

Điều 15. Kiểm tra

1. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra các chủ đầu tư, nhà thầu tham gia dự án về tình hình sử dụng vốn tạm ứng, vốn thanh toán khối lượng hoàn thành và việc chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư phát triển của Nhà nước;

2. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã tự thực hiện việc kiểm tra trong phạm vi chức năng quản lý;

3. Cơ quan tài chính các cấp định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra Kho bạc Nhà nước về việc thực hiện chế độ thanh toán vốn đầu tư.

Mục 4

Trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan có liên quan

Điều 16. Trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan có liên quan

1. Chủ đầu tư

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định, tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm và có hiệu quả. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về chế độ quản lý tài chính đầu tư;

Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện và tuân thủ theo định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc của cấp có thẩm quyền phê duyệt; chất lượng công trình và giá trị đề nghị thanh toán; đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp của các số liệu, tài liệu trong hồ sơ cung cấp cho Kho bạc Nhà nước và các cơ quan chức năng của Nhà nước;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và người có thẩm quyền về việc thực hiện lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn;

c) Khi có khối lượng đã đủ điều kiện thanh toán theo hợp đồng, tiến hành nghiệm thu kịp thời, lập đầy đủ hồ sơ thanh toán và đề nghị thanh toán cho nhà thầu theo thời gian quy định của hợp đồng;

d) Căn cứ các quy định hiện hành của các văn bản hướng dẫn Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Xây dựng, chủ đầu tư mua bảo hiểm đối với các dự án đầu tư;

đ) Báo cáo kịp thời, đầy đủ theo quy định cho cơ quan quyết định đầu tư và các cơ quan nhà nước có liên quan; cung cấp đủ hồ sơ, tài liệu, tình hình theo quy định cho Kho bạc Nhà nước và cơ quan tài chính để phục vụ cho công tác quản lý và thanh toán vốn; chịu sự kiểm tra của cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước và cơ quan quyết định đầu tư về tình hình sử dụng vốn đầu tư và chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư phát triển của Nhà nước;

e) Thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện vốn tạm ứng của các nhà thầu, phải kiểm tra trước, trong và sau khi thực hiện ứng vốn cho các nhà thầu và đảm bảo thu hồi vốn ứng theo đúng quy định;